

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12-PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 01 - 2026

V/v: ly hôn, T/c nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12-PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nghiêm Hoài Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: bà **Phạm Thị Nga** và bà **Ngô Thị Như Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ninh Viết Tùng**

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12-Phú Thọ tham gia phiên
tòa:** Bà **Nguyễn Thị Mỹ Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12-Phú Thọ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 142/2025/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị Vân T**, sinh năm 1985. Nơi ĐKTT: tổ 5 (phường Hcũ), phường H, tỉnh Phú Thọ. Chỗ ở hiện tại: số nhà 03 ngõ 67 đường Nguyễn Thái Học, tổ 5 (phường Đ cũ), phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- Bị đơn: anh **Nguyễn Hằng H**, sinh năm 1980. Nơi ĐKTT: tổ 5 (phường Hcũ), phường H, tỉnh Phú Thọ. Nơi ở hiện tại: Slovakia. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và tại lời khai trong suốt quá trình tố tụng, nguyên đơn chị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Hằng H vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đồng Tiến cũ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Thời gian đầu sau khi

kết hôn, vợ chồng chủ yếu sinh sống, làm ăn tại TP Hà Nội. Đến năm 2020, do khó khăn về kinh tế, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị và các con về nhà bố mẹ đẻ tại tổ 5, phường Đồng Tiến cũ ở. Vợ chồng sống ly thân. Đến năm 2022, anh H đi xuất khẩu lao động tại Slovakia, địa chỉ chỗ ở, nơi làm việc của anh H như nào thì chị không biết. Cả hai không còn quan tâm tới nhau, việc liên lạc, hỏi thăm chủ yếu liên quan đến con cái. Nay tình cảm không còn, chị T xin ly hôn với anh H.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn H Thư Kỳ (sinh ngày 28/9/2016) và Nguyễn H Khôi Vỹ (sinh ngày 12/6/2018). Khi ly hôn chị T xin được nuôi cả hai con vì các cháu đang ở cùng chị và yêu cầu anh H đóng góp nuôi con chung với số tiền 7.000.000đ/tháng/2 cháu. Trước khi mở phiên tòa, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết, ấn định mức cấp dưỡng nuôi con mà để anh H tự thực hiện theo trách nhiệm của cha với con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

2. Tại biên bản làm việc, biên bản lấy lời khai với anh Nguyễn Thanh T2 (anh trai anh H), anh T2 cho biết:

Anh H và chị T có quan hệ hôn nhân hợp pháp từ năm 2016. Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nhau và đã sống ly thân từ khoảng năm 2020-2021. Năm 2022, anh H sang Slovakia lao động và vẫn liên lạc với gia đình, gửi tiền chăm nuôi các con. Anh T2 có trao đổi qua mạng xã hội với anh H để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn thì anh H cho biết anh đồng ý ly hôn với chị T vì cả hai không còn tình cảm với nhau nữa. Về con chung: anh H đồng ý để chị T nuôi cả hai con chung là Nguyễn H Thư Kỳ và Nguyễn H Khôi Vỹ. Anh H có trách nhiệm đóng góp nuôi con chung cùng chị T với số tiền 7.000.000đ/tháng/2 cháu. Do đang lao động tại Slovakia, không thể trực tiếp tới Tòa án để giải quyết vụ việc được nên anh H xin được giải quyết vắng mặt. Các văn bản, giấy tờ tổng đạt, anh H đề nghị gửi qua chị T hoặc qua anh trai anh H nhận hộ.

3. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình phát biểu ý kiến:

Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn anh H; Về con chung: giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung; việc cấp dưỡng nuôi con chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập; Tài sản chung, nợ chung: không đề cập nên không xem xét; Chị T pH chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Vân T khởi kiện vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình với anh Nguyễn Hằng H. Anh H có đăng ký thường trú tại tổ 5 (phường Hữu nghị cũ), phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ. Theo công văn trao đổi thông tin xuất nhập cảnh số 910/PA08-Đ1 ngày 10/12/2025 của Phòng Cảnh sát quản lý xuất nhập cảnh – Công an tỉnh Phú Thọ thì anh H nhiều lần xuất nhập cảnh, lần gần nhất xuất cảnh ngày 22/4/2025 qua cửa khẩu Nội Bài, không có thông tin nhập cảnh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung theo Luật số [Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025](#), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12-Phú Thọ.

[1.2]. Về việc tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn: chị T và anh Nguyễn Thanh T2 (anh trai của anh H) cho biết anh H hiện đang sinh sống, làm việc tại Slovakia và vẫn liên lạc về cho gia đình qua điện thoại, mạng xã hội. Anh H cũng mới về Việt Nam hồi tháng 4/2025 song chị T, anh T2 đều không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H tại Slovakia. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H thông qua anh T2 và tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi đăng ký thường trú của anh H – tổ 5 (phường Hữu Nghị cũ), phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ là đúng theo hướng dẫn tại Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn: anh H được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ song vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là có căn cứ, đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Vân T và anh Nguyễn Hằng H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đồng Tiến (cũ) theo đúng pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân nhau, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Trình bày của chị T tại Tòa án phù hợp với trình bày của anh T2 (anh trai anh H) và thông tin do tổ trưởng tổ 5 (phường Hữu Nghị cũ), phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ cung cấp. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị T và H đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] *Về con chung và nuôi con chung khi ly hôn:* Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn H Thư Kỳ (sinh ngày 28/9/2016) và Nguyễn H Khôi Vỹ (sinh ngày 12/6/2018). Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con. Các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ nên cần giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T không đề nghị Tòa án giải quyết mà để anh H tự thực hiện theo trách nhiệm của bố với các con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Đương sự trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị T pH chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Vân T được ly hôn anh Nguyễn Hằng H.

- Về con chung và nuôi con chung khi ly hôn: có 02 con chung tên là Nguyễn H Thư Kỳ (sinh ngày 28/9/2016) và Nguyễn H Khôi Vỹ (sinh ngày

12/6/2018). Khi ly hôn, giao cháu Kỳ và cháu Vũ cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T.

- Về tài sản chung và nợ chung: đương sự chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T pH chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ theo biên lai số 00043145 ngày 09/10/2025, nay được đối trừ và không pH nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh H có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày được cấp, tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Anh Nguyễn Thanh T2;
- VKSND KV12-Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS KV12-Phú Thọ;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- UBND phường Hòa Bình (số 25/2016-Đồng Tiến);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nghiêm Hoài Anh